

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2019/DS-ST**

Ngày: 04/ 6/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy

2. Ông Trần Văn Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2019 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 1 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐST- DS ngày 27/3/2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Dương Quốc N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Trương Văn T, sinh năm 1978 (có mặt)

- Ông Đinh Văn Nh, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp M, xã A, thành phố B, tỉnh T. (văn bản ủy quyền ngày 20/12/2018)

2. Bị đơn: Cao Thị Bích Th, sinh năm 1969 (có mặt)

Lê Văn Tr, sinh năm 1964 (có mặt)

Trú tại: số 180A2, khu phố 4, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2018, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Quốc N ủy quyền ông Trương Văn T, trình bày:

Do quen biết trong làm ăn với nhau, vào ngày 15/7/2018 ông Dương Quốc N có cho vợ chồng bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr ngụ tại số 180A2, khu phố 4, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, mượn số tiền 173.000.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu đồng), bà Th, ông Tr hỏi mượn ông số tiền trên trả nợ ngân

hàng của gia đình ông bà vì đã đến hạn, khi hỏi mượn số tiền trên bà Th, ông Tr hứa sẽ trả lại cho ông N trong khoảng thời gian khoảng 20 ngày, sau khi ngân hàng cho vay lại số tiền, không tính lãi và có viết biên nhận số tiền trên cho ông tại quán cà phê gần bờ hồ, biên nhận này do chính bà Th viết. Nhưng sau 20 ngày bà Th, ông Tr không hoàn lại số tiền cho ông N như đã hứa, ông N đã nhiều lần yêu cầu bà Th, ông Tr hoàn lại số tiền đã mượn và cho bà Th, ông Tr thời gian trả nợ nhưng bà Th, ông Tr cố tình tránh mặt.

Ông N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Th, ông Tr phải trả cho ông số tiền đã mượn là 173.000.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra ông N không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo nội dung đơn khởi kiện, vào khoảng tháng 7/2018 ông Dương Quốc N có cho vợ chồng bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr mượn số tiền là 173.000.000 đồng, hai bên có viết biên nhận mượn tiền vào ngày 15/7/2018, thời hạn mượn là 20 ngày. Nhưng đến thời hạn trả nợ bà Th, ông Tr không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ hoàn lại cho ông N số tiền trên, ông N khởi kiện yêu cầu bà Th, ông Tr phải hoàn trả số tiền đã mượn, yêu cầu của ông N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông T1.

[3] Xét yêu cầu của ông Dương Quốc N về việc yêu cầu bà Th, ông Tr trả số tiền vay 173.000.000 đồng chứng cứ ông N yêu cầu bà Th, ông Tr trả tiền là 01 tờ “Biên nhận” ngày 15/7/2018 viết tay có nội dung bà Th, ông Tr mượn tiền của ông N.

Xét về hình thức tờ “Biên nhận” ông N khai là do bà Th, viết và ký tên, viết khi bà Th, nhận tiền của ông N, Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Về nội dung, theo lời khai của ông N và nội dung trong tờ “Biên nhận” đề ngày 15/7/2018 thể hiện bà Th có mượn số tiền của ông N 173.000.000 đồng, lời khai của ông N phù hợp với nội dung tờ “biên nhận” và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không trái với Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa ông N và bà Th, là có thật. Xét thấy số tiền 173.000.000 đồng mà bà Th đã ghi trong tờ “Biên nhận” được hai bên thỏa thuận giao kết vào ngày 15/7/2018 là phù hợp với qui định tại Điều 4 Bộ luật Dân sự năm 2005, cũng phù hợp với đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của ông N nên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các thông báo kết quả phiên họp và công khai chứng cứ do ông Dương Quốc N cung cấp. Nhưng bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr không có ý

kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quốc N cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận tờ “Biên nhận” ngày 15/7/2018 là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của ông Dương Quốc N.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr còn nợ ông Dương Quốc N số tiền 173.000.000 đồng theo tờ “Biên nhận” đề ngày 15/7/2018 thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo tờ biên nhận được hai bên thỏa thuận thể hiện nội dung bà Cao Thị Bích Th hẹn trong hai mươi ngày sẽ hoàn lại số tiền đã vay nhưng đến hạn bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 tuy nhiên ông N không yêu cầu tính lãi suất số tiền đã vay của bà Th và phần lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xét đến phần lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ý chí của ông N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với qui định nên được ghi nhận.

Tại đơn khởi kiện ông N có yêu cầu ông Lê Văn Tr phải trách nhiệm liên đới với bà Cao Thị Bích Th trong việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền đã vay. Căn cứ vào tờ xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 6.3.2018 bà Th, ông Lê Văn Tr là vợ chồng trên thực tế việc vay số tiền trên chỉ có bà Th thực hiện nhưng theo lời khai của nguyên đơn thì mục đích vay tiền của bà Th đã để đáo hạn ngân hàng và làm ăn kinh tế trong gia đình, ông Tr hiện vẫn đang chung sống cùng gia đình với bà Th nên buộc ông Tr phải có trách nhiệm cùng bà Th trả số tiền đã mượn cho ông N, Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận, ông Tr là chồng của bà Th nên việc buộc ông Tr phải có trách nhiệm liên đới với bà Th trả số tiền trên cho ông N là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía nguyên đơn, bà Th, ông Tr phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu được chấp nhận ông Dương Quốc N không phải chịu án phí.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr phải chịu án phí số tiền là 8.650.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4, 117, 119, 463, 466, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Dương Quốc N.

Buộc bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Dương Quốc N số tiền là 173.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi ba triệu đồng*).

Ghi nhận ông Dương Quốc N không yêu cầu tính lãi số tiền trên kể từ thời điểm đến hạn trả nợ cho đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền án phí phải nộp là 8.650.000 đồng (*tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*).

Hoàn cho ông Dương Quốc N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.325.000 đồng (*bốn triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0021727 ngày 15/11/2018 tại chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lan